

Số: 403/FOSCO-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2018

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân Thành phố
- Sở Tài chính Thành phố
- Sở Lao động thương binh và Xã hội Thành phố
- Chi cục tài chính doanh nghiệp Thành phố

PHỤ LỤC X

BÁO CÁO CHẾ ĐỘ, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

(Ban hành kèm theo Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ)

1. Chính sách tiền lương, tiền thưởng của doanh nghiệp

a) Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

- Nguyên tắc xác định trả lương đối với người lao động:

+ Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động trong Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ quy chế chi trả lương đối với người lao động trong Công ty FOSCO.

+ Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-FOSCO-VP ngày 04/08/2016 về ban hành quy chế đánh giá hiệu suất công việc áp dụng đối với người lao động tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (FOSCO).

- Nguyên tắc xác định trả lương, thưởng, thù lao đối với người quản lý doanh nghiệp:

+ Căn cứ Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

+ Căn cứ Thông tư số 221/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với kiểm soát viên và người đại diện vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số 51/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ;

+ Căn cứ quy chế chi trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty FOSCO.

b) Quỹ tiền lương kế hoạch:

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động năm 2017: được xây dựng dựa trên quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, quy chế chi trả lương đối với người lao động trong Công ty FOSCO và Quyết định số 738/QĐ-FOSCO-VP ngày 04/08/2016 về ban hành quy chế đánh giá hiệu suất công việc áp dụng đối với người lao động tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ quan nước ngoài (FOSCO).

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý doanh nghiệp năm 2017: được xây dựng dựa trên quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ, Thông tư số

27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 về hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Thông tư số 221/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính, quy chế chi trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty FOSCO.

c) Chính sách phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp:

Công ty thực hiện phân phối tiền lương, tiền thưởng, thù lao của doanh nghiệp theo các quy định hiện hành và quy chế nội bộ tại đơn vị.

2. Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của doanh nghiệp

BIỂU BÁO CÁO QUỸ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG CỦA DOANH NGHIỆP NĂM 2017

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017		Năm 2018
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	HẠNG CÔNG TY ĐƯỢC XẾP		II	II	I
II	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG				
1	Lao động	Người	200	189	186
2	Mức tiền lương bình quân	1.000 đ/tháng	11,373	12,753	11,42
3	Quỹ tiền lương	Triệu đồng	27.296	28.924	25.489
4	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Triệu đồng	6.462	13.028	7.103
5	Thu nhập bình quân	1.000 đ/tháng	14,06	18,50	14,60
III	TIỀN LƯƠNG CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP				
1	Số người quản lý doanh nghiệp (tính bình quân)	Người	9	9	7,833
2	Mức lương cơ bản bình quân	Triệu đồng/tháng	21,63	21,638	23,681
3	Quỹ tiền lương, thù lao	Triệu đồng	2.051	2.616	2.159
4	Mức tiền lương bình quân	Triệu đồng/tháng	21,29	27,16	22,42
5	Quỹ tiền thưởng	Triệu đồng	390	255	263
6	Tiền thưởng, thu nhập	Triệu đồng/tháng	3,61	2,71	2,80
7	Mức thu nhập bình quân của viên chức quản lý	Triệu đồng/tháng	22,60	26,58	25,77

- Nhận xét, đánh giá về quỹ tiền lương, tiền thưởng: không
- Đề xuất, kiến nghị về chính sách tiền lương, tiền thưởng: không

Nơi nhận:

- Như trên;
- BTGD;
- Lưu: VP, TCKT.



HỒ TRỌNG TRÍ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG LAO ĐỘNG NĂM 2018
 (Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Đơn vị tính: Người

TT	Tổng số lao động	Tình hình sử dụng lao động năm 2017						Kế hoạch sử dụng lao động năm 2018				
		Tổng số lao động kế hoạch 2017	Số lao động thực tế tại thời điểm 31/12/2017	Trong đó			Tổng số lao động sử dụng bình quân 2017	Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu	Số lao động kế hoạch 2018	Trong đó		Số lao động thôi việc, mất việc, nghỉ hưu
				Số từ năm 2016 chuyển sang	Số phải đào tạo lại trong năm	Số tuyển mới trong năm				Số lao động năm 2017 chuyển sang	Số lao động tuyển dụng mới	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Người quản lý	23	24	23	0	2	23	1	23	23	0	0
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	32	28	30	0	2	29	4	24	28	1	5
3	Lao động trực tiếp SXKD	134	121	126	0	18	127	23	129	121	9	1
4	Lao động thừa hành, phục vụ	11	10	11	0	0	10	1	10	10	0	0
Tổng cộng		200	183	190	0	22	189	29	186	182	10	6

Ghi chú:

- Tổng số lao động không bao gồm Giáo viên nước ngoài làm việc tại Trường Quốc Tế Fosco.
- Người quản lý : Trưởng phó phòng ban, đơn vị trực thuộc Công ty

Người lập biểu

Chánh Văn Phòng

TRẦN THỊ KIM HẰNG

Tp.HCM, ngày 07 tháng 3 năm 2018

Người Giám Đốc



NGUYỄN TƯƠNG MINH

Số: A23 /TKKT

**BÁO CÁO XÁC ĐỊNH QUỸ TIỀN LƯƠNG THỰC HIỆN NĂM 2017
 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018 CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số báo cáo năm 2017		Kế hoạch năm 2018	So sánh	
			Kế hoạch	Thực hiện		KH2018/ KH2017 (%)	KH2018/ TH2017 (%)
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5
I	CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH:						
·1	Tổng sản phẩm (kể cả quy đổi)						
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	147,089	153,460	149,660	101.75	97.52
3	Tổng chi phí (chưa có lương)	Tr.đồng	97,129	100,520	102,900	105.94	102.37
4	Lợi nhuận	Tr.đồng	20,613	21,400	12,346	59.89	57.69
5	Tổng các khoản nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	72,407	59,788	64,815	89.51	108.41
II	TIỀN LƯƠNG:						
1	Lao động kế hoạch	Người	200		186	93.00	
2	Lao động thực tế sử dụng bình quân	Người		189			98.41
3	Mức lương bình quân theo hợp đồng lao động	1.000đ/tháng					
4	Mức tiền lương bình quân kế hoạch	1.000đ/tháng	11,373		11,422	100.43	
5	Mức tiền lương bình quân thực hiện	1.000đ/tháng		12,753			89.56
6	Năng suất lao động bình quân (1) kế hoạch	Tr.đồng/năm	250		251	100.40	
7	Năng suất lao động bình quân thực hiện	Tr.đồng/năm		280			89.64
8	Phân chênh lệch tiền lương của cán bộ chuyên trách đoàn thể	Tr.đồng					
9	Quỹ tiền lương kế hoạch	Tr.đồng	27,296		25,489	93.38	
10	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr.đồng		28,924			88.12
11	Quỹ tiền thưởng, phúc lợi phân phối trực tiếp cho người lao động	Tr.đồng	6.462	13.028	7.103	109.92	54.52
	Thu nhập bình quân (theo lao động thực tế sử dụng bình quân)	1.000đ/tháng	14.060	18.500	14.600	103.84	78.92

Ghi chú: (1) ghi rõ năng suất lao động tính theo chỉ tiêu tổng doanh thu trừ tổng chi phí (chưa có lương) hoặc tính theo tổng sản phẩm tiêu thụ.

Người lập biểu
 (Ký và ghi rõ họ tên, chức vụ)

Trình Quốc Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2018

Tổng Giám đốc/Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên và đóng dấu)



NGUYỄN TƯỜNG MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
 Công ty trách nhiệm hữu hạn Một Thành viên
 Dịch vụ cơ quan nước ngoài (FOSCO)

Biểu số 4-KH2018

DANH SÁCH NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KẾ HOẠCH NĂM 2018

STT	Manv	Họ và tên		Chức vụ (ghi rõ chức vụ)		Thực hiện năm 2017		Kế hoạch năm 2018		Ghi chú
				Chuyên trách	Không chuyên trách	Mức lương cơ bản	Số tháng hưởng	Mức lương cơ bản	Số tháng hưởng	
1	151102	Ngô Anh	Tuấn	Chủ tịch HĐQT		25,000,000	12	27,000,000	12	
2	9608B3	Lương Thanh	Điện	TV HĐQT		21,000,000	12	23,000,000	12	
3	151101	Nguyễn Tương	Minh	TGD		24,000,000	12	26,000,000	12	
4	111015	Hồ Trọng	Trí	Phó TGD		21,000,000	12	23,000,000	12	
5	151202	Huỳnh T	Tuyết Nhung	Phó TGD		21,000,000	12	23,000,000	12	
6	120466	Trần Công	Thanh	P.TGD - Đã chuyển công tác		21,000,000	5	0	0	
7	170701	Trần Tuấn	Anh	Phó TGD		21,000,000	5	23,000,000	12	
8	060889	Vũ Thanh	Hoàng	KTT (thôi chức KTT)		19,000,000	12	0	0	
9	100202	Nguyễn Thị Đoan	Trang	KTT (chờ bổ nhiệm)		0	0	21,000,000	10	
10	941001	Trần Ngọc	Phan	KSV		21,000,000	12	23,000,000	12	
		Tổng cộng				194,000,000	94	189,000,000	94	

Người lập biểu


 Trinh Quốc Huy

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2018

Tổng Giám đốc



NGUYỄN TƯƠNG MINH